| | |
|---|---|
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**<br>**XÃ THIỆN HƯNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2026/NQ-HĐND | *Thiện Hưng, ngày tháng năm 2026* |

DỰ THẢO

# NGHỊ QUYẾT

**Quy định nội dung chi và mức chi cho từng hoạt động trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã Thiện Hưng**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị quyết số 197/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 289/2025/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nội dung chi, mức khoán chi đối với công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Đồng Nai;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã; Báo cáo thẩm tra số /BC-BVHXH ngày tháng năm 2026 của Ban Văn hóa – Xã hội Hội đồng nhân dân xã; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định nội dung chi và mức chi cho từng hoạt động trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã Thiện Hưng.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định nội dung chi và mức chi cho từng hoạt động trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã Thiện Hưng.

b) Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật, Nghị định số 289/2025/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan, đơn vị, cá nhân được phân công, giao chủ trì soạn thảo; tham gia hoặc được giao nhiệm vụ trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã Thiện Hưng.

b) Các cơ quan, đơn vị có liên quan đến công tác lập dự toán, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí thực hiện công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn xã Thiện Hưng.

**Điều 2. Tổng định mức khoán chi đối với công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật**

Tổng định mức khoán chi trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn xã Thiện Hưng thực hiện theo Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.

**Điều 3. Nội dung chi, mức chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật**

1. Đối với văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân xã, Ủy ban nhân dân xã Thiện Hưng ban hành: Mức chi cụ thể thực hiện theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Mức chi cho từng nhiệm vụ hoạt động trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã Thiện Hưng thực hiện theo Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết này.

**Điều 4. Nguồn kinh phí và phương thức thực hiện**

1. Nguồn kinh phí cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên

địa bàn xã Thiện Hưng do ngân sách địa phương đảm bảo theo phân cấp quản lý nhà nước và quy định của pháp luật hiện hành.

2. Việc thanh, quyết toán theo phương thức khoán chi đối với từng nhiệm vụ, hoạt động quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 7 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP.

3. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền quyết định không ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã xây dựng xong hoặc dừng lại, chấm dứt nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thì nội dung nhiệm vụ đã thực hiện theo đúng quy định trước thời điểm cơ quan có thẩm quyền ra quyết định vẫn được thanh, quyết toán theo sản phẩm là kết quả nhiệm vụ đã thực hiện, tương ứng mức khoán chi quy định tại Điều 3 Nghị quyết này.

**Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này; chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân xã lập dự toán, quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật bảo đảm đúng quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân xã Thiện Hưng có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng; kiến nghị của tổ chức, cá nhân có liên quan và Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

**Điều 6. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày  tháng  năm 2026.

2. Quy định chuyển tiếp

a) Các văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã Thiện Hưng đã hoàn thành, kết thúc trước ngày 15 tháng 5 năm 2026 nhưng chưa được thanh, quyết toán thì tiếp tục thực hiện theo các nội dung chi, mức chi quy định tại Nghị quyết số 31/2022/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 65/2022/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về kinh phí đảm bảo cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản có liên quan.

b) Các văn bản quy phạm pháp luật đã được thẩm định hoặc đã trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc đã hoàn thành, kết thúc từ ngày 15 tháng 5 năm 2026 nhưng chưa được thanh, quyết toán được áp dụng mức chi tại Nghị quyết này để thực hiện thanh, quyết toán.

*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Thiện Hưng khóa , kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2026.*

***Nơi nhận:***
- Thường trực HĐND thành phố;
- Thường trực UBND thành phố;
- Sở Nội vụ thành phố;
- Sở Tư pháp thành phố;
- Công báo thành phố;
- Thường trực Đảng uỷ;
- Thường trực HĐND xã;
- UBMTTQ Việt Nam xã;
- Chủ tịch và các PCT UBND xã;
- Các Ban HĐND xã;
- Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã;
- Các đại biểu HĐND xã;
- Ban điều hành các thôn;
- Trang thông tin điện tử xã (đăng tải);
- Lưu: VT, HĐND.

**CHỦ TỊCH**

**Đặng Hà Giang**

**PHỤ LỤC I**

**TỔNG ĐỊNH MỨC KHOÁN CHI ĐỐI VỚI CÔNG TÁC XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ THIỆN HƯNG**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND ngày tháng năm 2026)*

Đơn vị tính : đồng/văn bản

| STT | Loại văn bản | Văn bản ban hành mới, thay thế | Văn bản sửa đổi, bổ sung từ 02 văn bản trở lên | Văn bản sửa đổi, bổ sung 01 văn bản | Văn bản bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ |
|---|---|---|---|---|---|
| 01 | Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã | 10.000.000 | 10.000.000 | 6.000.000 | 4.000.000 |
| 02 | Quyết định của Ủy ban nhân dân xã | 8.000.000 | 8.000.000 | 4.800.000 | 2.400.000 |

# PHỤ LỤC II

## QUY ĐỊNH NỘI DUNG CHI, MỨC CHI TRONG XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THUỘC THẨM QUYỀN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ THIỆN HƯNG

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND ngày tháng năm 2026)*

Đơn vị tính : đồng/văn bản

| STT | Loại văn bản | | Tổng mức chi | Nhiệm vụ soạn thảo, tổng hợp ý kiến góp ý | Nhiệm vụ thẩm định | Nhiệm vụ tổng hợp, rà soát hồ sơ trình | Nhiệm vụ thẩm tra, thông qua |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 01 | Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã | Văn bản ban hành mới, thay thế | 10.000.000 | 5.600.000 | 840.000 | 560.000 | 3.000.000 |
| | | Văn bản sửa đổi, bổ sung từ 02 văn bản trở lên | 10.000.000 | 5.600.000 | 840.000 | 560.000 | 3.000.000 |
| | | Văn bản sửa đổi, bổ sung 01 văn bản | 6.000.000 | 3.360.000 | 504.000 | 336.000 | 1.800.000 |
| | | Văn bản bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ | 4.000.000 | 2.240.000 | 336.000 | 224.000 | 1.200.000 |
| 02 | | Văn bản ban hành mới, thay thế | 8.000.000 | 6.400.000 | 960.000 | 640.000 | - |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Quyết định của Ủy ban nhân dân xã | Văn bản sửa đổi, bổ sung từ 02 văn bản trở lên | 8.000.000 | 6.400.000 | 960.000 | 640.000 | - |
| | | Văn bản sửa đổi, bổ sung 01 văn bản | 4.000.000 | 3.200.000 | 480.000 | 320.000 | - |
| | | Văn bản bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ | 2.400.000 | 1.920.000 | 288.000 | 192.000 | - |

**PHỤ LỤC III**

**DANH MỤC HOẠT ĐỘNG, SẢN PHẨM VÀ MỨC CHI TRONG XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THUỘC THẨM QUYỀN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ THIỆN HƯNG**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND ngày tháng năm 2026)*

Đơn vị tính : đồng/văn bản

| STT | Nhiệm vụ, hoạt động | Sản phẩm | Mức chi | |
|---|---|---|---|---|
| | | | Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã | Quyết định của Ủy ban nhân dân xã |
| **I** | **NHIỆM VỤ XÂY DỰNG, SOẠN THẢO** | | | |
| **1** | **Xây dựng Tờ trình** | | | |
| a | Văn bản ban hành mới, thay thế | Tờ trình dự thảo văn bản quy phạm pháp luật | 280.000 | 320.000 |
| b | Văn bản sửa đổi, bổ sung từ 02 văn bản trở lên | Tờ trình dự thảo văn bản quy phạm pháp luật | 280.000 | 320.000 |
| c | Văn bản sửa đổi, bổ sung 01 văn bản | Tờ trình dự thảo văn bản quy phạm pháp luật | 168.000 | 160.000 |
| d | Văn bản bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ | Tờ trình dự thảo văn bản quy phạm pháp luật | 112.000 | 96.000 |
| **2** | **Xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật** | | | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| a | Văn bản ban hành mới, thay thế | Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật | 4.480.000 | 5.120.000 |
| b | Văn bản sửa đổi, bổ sung từ 02 văn bản trở lên | Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật | 4.480.000 | 5.120.000 |
| c | Văn bản sửa đổi, bổ sung 01 văn bản | Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật | 2.688.000 | 2.560.000 |
| d | Văn bản bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ | Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật | 1.972.000 | 1.536.000 |
| **3** | **Xây dựng bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, phản biện xã hội** | | | |
| a | Văn bản ban hành mới, thay thế | Bản tổng hợp | 280.000 | 320.000 |
| b | Văn bản sửa đổi, bổ sung từ 02 văn bản trở lên | Bản tổng hợp | 280.000 | 320.000 |
| c | Văn bản sửa đổi, bổ sung 01 văn bản | Bản tổng hợp | 168.000 | 160.000 |
| d | Văn bản bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ | Bản tổng hợp | 112.000 | 96.000 |
| **4** | **Xây dựng các báo cáo: báo cáo tổng hợp tiếp thu, tiếp thu giải trình ý kiến thẩm định; báo cáo tiếp thu giải trình ý kiến thẩm tra** | | | |
| a | Văn bản ban hành mới, thay thế | Báo cáo | 280.000 | 320.000 |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| b | Văn bản sửa đổi, bổ sung từ 02 văn bản trở lên | Báo cáo | 280.000 | 320.000 |
| c | Văn bản sửa đổi, bổ sung 01 văn bản | Báo cáo | 168.000 | 160.000 |
| d | Văn bản bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ | Báo cáo | 112.000 | 96.000 |
| **5** | **Truyền thông dự thảo văn bản quy phạm pháp luật** | | | |
| a | Văn bản ban hành mới, thay thế | - Ấn phẩm truyền thông dạng in (bài viết, bản tin, báo cáo tọa đàm, áp phích,…);<br>- Ấn phẩm truyền thông trên môi trường điện tử (website, video, sản phẩm số khác). | 280.000 | 320.000 |
| b | Văn bản sửa đổi, bổ sung từ 02 văn bản trở lên | - Ấn phẩm truyền thông dạng in (bài viết, bản tin, báo cáo tọa đàm, áp phích,…);<br>- Ấn phẩm truyền thông trên môi trường điện tử (website, video, sản phẩm số khác). | 280.000 | 320.000 |
| c | Văn bản sửa đổi, bổ sung 01 văn bản | - Ấn phẩm truyền thông dạng in (bài viết, bản tin, báo cáo tọa đàm, áp phích,…); | 168.000 | 160.000 |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | | - Ấn phẩm truyền thông trên môi trường điện tử (website, video, sản phẩm số khác). | | |
| d | Văn bản bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ | - Ấn phẩm truyền thông dạng in (bài viết, bản tin, báo cáo tọa đàm, áp phích,…);<br>- Ấn phẩm truyền thông trên môi trường điện tử (website, video, sản phẩm số khác). | 112.000 | 96.000 |
| **II** | **NHIỆM VỤ THẨM ĐỊNH** | | | |
| 1 | Văn bản ban hành mới, thay thế | Báo cáo thẩm định | 840.000 | 960.000 |
| 2 | Văn bản sửa đổi, bổ sung từ 02 văn bản trở lên | Báo cáo thẩm định | 840.000 | 960.000 |
| 3 | Văn bản sửa đổi, bổ sung 01 văn bản | Báo cáo thẩm định | 504.000 | 480.000 |
| 4 | Văn bản bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ | Báo cáo thẩm định | 336.000 | 288.000 |
| **III** | **NHIỆM VỤ TỔNG HỢP, RÀ SOÁT HỒ SƠ TRÌNH** | | | |
| 1 | Văn bản ban hành mới, thay thế | Biên bản họp | 560.000 | 640.000 |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 2 | Văn bản sửa đổi, bổ sung từ 02 văn bản trở lên | Biên bản họp | 560.000 | 640.000 |
| 3 | Văn bản sửa đổi, bổ sung 01 văn bản | Biên bản họp | 336.000 | 320.000 |
| 4 | Văn bản bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ | Biên bản họp | 224.000 | 192.000 |
| **IV** | **NHIỆM VỤ THẨM TRA, THÔNG QUA** | | | |
| 1 | Văn bản ban hành mới, thay thế | Báo cáo thẩm tra | 3.000.000 | - |
| 2 | Văn bản sửa đổi, bổ sung từ 02 văn bản trở lên | Báo cáo thẩm tra | 3.000.000 | - |
| 3 | Văn bản sửa đổi, bổ sung 01 văn bản | Báo cáo thẩm tra | 1.800.000 | - |
| 4 | Văn bản bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ | Báo cáo thẩm tra | 1.200.000 | - |